



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# CÔNG BÁO

*Thành phố Hồ Chí Minh*

Số 17

Ngày 01 tháng 4 năm 2016

## MỤC LỤC

Trang

### PHÂN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

#### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- |             |   |    |
|-------------|---|----|
| 19-01-2016- | Quyết định số 01/2016/QĐ-UBND quy định chế độ hỗ trợ và công tác phí đối với công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại cơ quan hành chính nhà nước các cấp (áp dụng cơ chế một cửa, một cửa liên thông) trên địa bàn Thành phố.                     | 4  |
| 01-3-2016-  | Quyết định số 05/2016/QĐ-UBND về sửa đổi Khoản 2 và Khoản 3 Điều 1 Quyết định số 69/2011/QĐ-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về trợ cấp giảng dạy đối với giáo viên dạy hòa nhập cho người khuyết tật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. | 8  |
| 04-3-2016-  | Quyết định số 06/2016/QĐ-UBND về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của hòa giải viên lao động.  | 10 |

**PHẦN VĂN BẢN KHÁC****ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

- 29-01-2016- Chi thị số 03/CT-UBND về tổ chức thực hiện phong trào thi đua yêu nước năm 2016. 23
- 25-02-2016- Quyết định số 752/QĐ-UBND ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Quỹ Phòng, chống thiên tai Thành phố Hồ Chí Minh. 28
- 26-02-2016- Quyết định số 758/QĐ-UBND phê duyệt chương trình quản lý, kiểm tra, kiểm soát lâm sản trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2016 - 2020. 34

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 9**

- 07-01-2016- Quyết định số 12/QĐ-UBND về công bố văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực toàn bộ của Ủy ban nhân dân Quận 9 ban hành đến ngày 31 tháng 12 năm 2015. 56
- 23-02-2016- Quyết định số 89/QĐ-UBND v/v bãi bỏ các văn bản do Ủy ban nhân dân Quận 9 ban hành. 60
- 02-3-2016- Quyết định số 105/QĐ-UBND v/v bãi bỏ các văn bản do Ủy ban nhân dân Quận 9 ban hành. 62

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 12**

- 29-01-2016- Quyết định số 274/QĐ-UBND về việc công bố Danh mục văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân Quận 12 hết hiệu lực toàn bộ hoặc một phần năm 2015. 64

---

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN**

19-01-2016- Quyết định số 350/QĐ-UBND công bố danh mục văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân quận Bình Tân ban hành hết hiệu lực toàn bộ hoặc một phần năm 2015.

68

**PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT****ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ****ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/2016/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 01 năm 2016***QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định chế độ hỗ trợ và công tác phí đối với công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại cơ quan hành chính nhà nước các cấp (áp dụng cơ chế một cửa, một cửa liên thông) trên địa bàn Thành phố**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương;

Căn cứ Thông tư số 97/2010/TT-BTC ngày 06 tháng 7 năm 2010 của Bộ Tài chính Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 172/2012/TT-BTC ngày 22 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính Quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm công tác cải cách hành chính nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 19/2015/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2015 của Hội đồng nhân dân thành phố về quy định chế độ hỗ trợ và công tác phí đối với công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại cơ quan hành chính nhà nước các cấp (áp dụng cơ chế một cửa, một cửa liên thông) trên địa bàn Thành phố;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Công văn số 8480/TTr-STC ngày 05 tháng 11 năm 2015,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Về chế độ hỗ trợ và công tác phí đối với công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại cơ quan hành chính nhà nước các cấp (áp dụng cơ chế một cửa, một cửa liên thông) trên địa bàn Thành phố như sau:

### **1. Phạm vi áp dụng**

Các cơ quan hành chính nhà nước cấp thành phố, quận - huyện, phường - xã, thị trấn áp dụng cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông như:

- a) Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố.
- b) Ủy ban nhân dân quận - huyện.
- c) Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn.

### **2. Đối tượng áp dụng**

a) Công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố.

b) Công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân quận - huyện (thuộc biên chế của Văn phòng Ủy ban nhân dân quận - huyện).

c) Công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn (công chức thuộc 07 chức danh công chức cấp xã được quy định tại Luật Cán bộ, công chức do Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn phân công căn cứ vào tình hình cụ thể tại địa phương).

### **3. Mức chi**

a) Công chức thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều này (danh sách công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả phải được thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường - xã, thị trấn phê duyệt) được hỗ trợ mức: 400.000 đồng/người/tháng.

b) Công chức thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều này khi làm nhiệm vụ chuyển hồ sơ giữa các cơ quan hành chính nhà nước: được thanh toán công tác phí theo quy định tại Thông tư số 97/2010/TT-BTC ngày 06/7/2010 của Bộ Tài chính về quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

## **Điều 2. Nguồn kinh phí thực hiện**

1. Kinh phí thực hiện chế độ hỗ trợ đối với công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại cơ quan hành chính nhà nước các cấp (áp dụng cơ chế một cửa, một cửa liên thông) trên địa bàn Thành phố do ngân sách nhà nước đảm bảo, được bố trí trong dự toán chi thường xuyên (nguồn kinh phí không thực hiện tự chủ) hàng năm của các cơ quan theo phân cấp ngân sách hiện hành:

a) Ngân sách thành phố: đảm bảo kinh phí thực hiện chế độ hỗ trợ đối với công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố.

b) Ngân sách quận - huyện: đảm bảo kinh phí thực hiện chế độ hỗ trợ đối với công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân quận - huyện.

c) Ngân sách phường - xã, thị trấn: đảm bảo kinh phí thực hiện chế độ hỗ trợ đối với công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn.

2. Riêng kinh phí thực hiện chế độ công tác phí đối với công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả khi làm nhiệm vụ chuyển hồ sơ giữa các cơ quan hành chính nhà nước do ngân sách nhà nước đảm bảo, được bố trí trong dự toán chi thường xuyên (nguồn kinh phí thực hiện tự chủ) hàng năm của các cơ quan theo quy định hiện hành.

## **Điều 3. Quản lý, sử dụng và thanh, quyết toán**

Việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí thực hiện chế độ hỗ trợ và công tác phí đối với công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại cơ quan hành chính nhà nước các cấp (áp dụng cơ chế một cửa, một cửa liên thông) trên địa bàn Thành phố được thực hiện theo chế độ hiện hành của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

**Điều 4.**

Chế độ hỗ trợ và công tác phí đối với công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại cơ quan hành chính nhà nước các cấp (áp dụng cơ chế một cửa, một cửa liên thông) trên địa bàn Thành phố được thực hiện kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

**Điều 5.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

**Điều 6.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các Sở - ban, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường - xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Thanh Liêm**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 05/2016/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 3 năm 2016

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về sửa đổi Khoản 2 và Khoản 3 Điều 1 Quyết định số 69/2011/QĐ-UBND  
ngày 07 tháng 11 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố  
về trợ cấp giảng dạy đối với giáo viên dạy hòa nhập  
cho người khuyết tật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Người khuyết tật ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Quyết định số 23/2006/QĐ-BGDĐT ngày 22 tháng 5 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về giáo dục hòa nhập dành cho người tàn tật, khuyết tật;

Xét đề nghị của Sở Giáo dục và Đào tạo tại Công văn số 286/GDĐT-TC ngày 02 tháng 02 năm 2016,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay sửa đổi Khoản 2 và Khoản 3 Điều 1 Quyết định số 69/2011/QĐ-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về trợ cấp giảng dạy đối với giáo viên dạy hòa nhập cho người khuyết tật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, như sau:

#### **“2. Mức trợ cấp:**

a) Bậc mầm non: Giáo viên trực tiếp giảng dạy một học sinh khuyết tật học mầm non được hưởng trợ cấp bằng 600.000 đồng/tháng.

b) Cấp tiểu học: Giáo viên trực tiếp giảng dạy một học sinh khuyết tật học tiểu học được hưởng trợ cấp bằng 8.000 đồng/tiết.



c) Cấp trung học cơ sở: Giáo viên trực tiếp giảng dạy một học sinh khuyết tật học trung học cơ sở được hưởng trợ cấp bằng 8.000 đồng/tiết.

d) Cấp trung học phổ thông và giáo dục thường xuyên: Giáo viên trực tiếp giảng dạy một học sinh khuyết tật học bậc trung học phổ thông, giáo dục thường xuyên được hưởng trợ cấp bằng 9.000 đồng/tiết.

Trường hợp giáo viên giảng dạy cho từ 02 học sinh khuyết tật trở lên trong cùng 01 lớp học thì chỉ được hưởng tối đa mức trợ cấp giảng dạy cho 02 học sinh khuyết tật.

**3. Thời gian áp dụng:** kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.”

**Điều 2.** Các nội dung khác giữ nguyên theo Quyết định số 69/2011/QĐ-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 3.** Quyết định có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Thủ trưởng các cơ quan liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, Hiệu trưởng các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thị Thu**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 06/2016/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 3 năm 2016*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của hòa giải viên lao động**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Bộ luật Lao động ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 46/2013/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về tranh chấp lao động;

Căn cứ Thông tư số 08/2013/TT-BLĐTBXH ngày 10 tháng 6 năm 2013 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn Nghị định số 46/2013/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về tranh chấp lao động;

Xét đề nghị của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 26293/TTr-SLĐTBXH ngày 07 tháng 12 năm 2015; ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Văn bản số 3059/STP-VB ngày 18 tháng 6 năm 2015 và của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 131/TTr-SNV ngày 13 tháng 01 năm 2016,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của hòa giải viên lao động.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các

---

quận, huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thị Thu**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY CHẾ**

**Tổ chức và hoạt động của hòa giải viên lao động**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 06/2016/QĐ-UBND  
ngày 04 tháng 3 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

### **Chương I**

#### **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

##### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Quy chế này quy định về nhiệm vụ, quyền hạn, nghĩa vụ của hòa giải viên lao động đã được cơ quan có thẩm quyền bổ nhiệm; thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm; quy trình tác nghiệp hòa giải lao động, cơ chế phối hợp giải quyết tranh chấp lao động; kinh phí hoạt động của hòa giải viên lao động;

2. Quy chế này áp dụng đối với hòa giải viên lao động trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; cơ quan quản lý nhà nước về lao động ở Thành phố, Ủy ban nhân dân các cấp ở địa phương, các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân có liên quan.

##### **Điều 2. Phạm vi hoạt động của hòa giải viên lao động**

1. Hòa giải viên hoạt động tại địa phương nơi tự đăng ký hoặc được Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Công đoàn cấp huyện, Công đoàn khu công nghiệp, khu chế xuất giới thiệu;

2. Trường hợp cần thiết thì Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện khác trong Thành phố đề cử hòa giải viên lao động hỗ trợ giải quyết tranh chấp lao động.

**Điều 3. Yêu cầu đối với công tác hòa giải tranh chấp lao động của hòa giải viên lao động**

1. Chấp hành các quy định của pháp luật, quy chế tổ chức và hoạt động của hòa giải viên lao động và các quy định khác có liên quan về hòa giải tranh chấp lao động;
2. Chấp hành quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện cử tham gia giải quyết tranh chấp lao động;
3. Hòa giải viên lao động phấn đấu thực hiện số vụ hòa giải thành đạt trên 50% so với số vụ tham gia hòa giải.

## **Chương II**

### **TIÊU CHUẨN, THỦ TỤC BỔ NHIỆM, BỔ NHIỆM LẠI, MIỄN NHIỆM HÒA GIẢI VIÊN LAO ĐỘNG**

#### **Điều 4. Tiêu chuẩn của hòa giải viên lao động**

1. Là công dân Việt Nam, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, có sức khỏe và phẩm chất đạo đức tốt;
2. Không phải là người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đang chấp hành án;
3. Am hiểu pháp luật lao động và pháp luật có liên quan;
4. Có 03 năm làm việc trong lĩnh vực có liên quan đến quan hệ lao động, có kỹ năng hòa giải tranh chấp lao động.

#### **Điều 5. Thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại hòa giải viên lao động**

Thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại hòa giải viên lao động thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 46/2013/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Lao động về tranh chấp lao động.

#### **Điều 6. Thủ tục miễn nhiệm hòa giải viên lao động**

Thủ tục miễn nhiệm hòa giải viên lao động thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 46/2013/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Lao động về tranh chấp lao động.

### **Chương III**

## **QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA HÒA GIẢI VIÊN LAO ĐỘNG**

### **Điều 7. Quyền của hòa giải viên lao động**

1. Hòa giải viên lao động trong những ngày được cử để hòa giải tranh chấp lao động, tranh chấp hợp đồng đào tạo nghề được hưởng chế độ bồi dưỡng như đối với Hội thẩm theo quy định về chế độ bồi dưỡng đối với người tham gia phiên tòa, phiên họp giải quyết dân sự; được thanh toán công tác phí trong những ngày thực hiện công tác hòa giải theo chế độ công tác phí hiện hành và được bảo đảm các điều kiện cần thiết về phòng họp, tài liệu, văn phòng phẩm, thư ký theo phân công của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội phục vụ hòa giải tranh chấp lao động;

2. Được tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực hòa giải theo quy định;

3. Được đề xuất ý kiến với các cơ quan chức năng có thẩm quyền trong tổ chức thực hiện công tác hòa giải tranh chấp lao động, chính sách pháp luật về hòa giải tranh chấp lao động;

4. Đối với hòa giải viên được lựa chọn thí điểm thực hiện Đề án Phát triển quan hệ lao động tại Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2014 - 2020 theo Quyết định số 1993/QĐ-UBND ngày 23 tháng 4 năm 2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, ngoài những quyền được nêu tại Khoản 1, 2 và 3 Điều này sẽ được hỗ trợ nâng cao hiệu quả các hoạt động hòa giải trên địa bàn thí điểm; kinh phí hỗ trợ lấy từ nguồn kinh phí triển khai hoạt động của Đề án và các nguồn kinh phí hỗ trợ khác theo quy định của pháp luật.

### **Điều 8. Nghĩa vụ của hòa giải viên lao động**

1. Tuân thủ đúng các quy định pháp luật, không được lợi dụng uy tín, quyền hạn, trách nhiệm của mình làm phương hại đến lợi ích của các bên hoặc lợi ích của Nhà nước trong quá trình hòa giải;

2. Không được từ chối nhiệm vụ hòa giải khi được cử tham gia giải quyết tranh chấp lao động hoặc tranh chấp về hợp đồng đào tạo nghề mà không có lý do chính đáng; thực hiện báo cáo định kỳ và đột xuất theo yêu cầu của người và cơ quan có thẩm quyền;

3. Đối với hòa giải viên được lựa chọn thí điểm thực hiện Đề án Phát triển quan hệ lao động tại Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2014 - 2020 theo Quyết định số 1993/QĐ-UBND ngày 23 tháng 4 năm 2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, ngoài những nghĩa vụ nêu tại Khoản 1 và 2 Điều này, hòa giải viên phải thực hiện đúng tiến độ của Đề án, kết quả đạt được phải đảm bảo trên 50% yêu cầu Đề án đặt ra. Thực hiện chế độ báo cáo thường xuyên với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội về việc triển khai Đề án do hòa giải viên lao động đảm nhận.

## **Chương IV**

### **QUY TRÌNH TÁC NGHIỆP HÒA GIẢI LAO ĐỘNG, CƠ CHẾ PHỐI HỢP HÒA GIẢI TRANH CHẤP LAO ĐỘNG**

#### **Điều 9. Quy trình tác nghiệp hòa giải tranh chấp lao động cá nhân**

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu hòa giải, hòa giải viên lao động phải kết thúc việc hòa giải, trừ trường hợp một trong hai bên tham gia hòa giải vắng mặt có lý do chính đáng.

Việc tiến hành hòa giải được thực hiện theo các bước sau:

1. Xác định thời hiệu yêu cầu giải quyết tranh chấp lao động cá nhân (còn thời hiệu hay đã hết thời hiệu):

Thời hiệu yêu cầu hòa giải viên lao động thực hiện hòa giải tranh chấp lao động cá nhân là 06 tháng, kể từ ngày phát hiện ra hành vi mà mỗi bên tranh chấp cho rằng quyền, lợi ích hợp pháp của mình bị vi phạm.

2. Tìm hiểu vụ việc các bên tranh chấp:

Xác định rõ tính chất và mức độ phức tạp của vụ việc, tìm hiểu và làm rõ nội dung tranh chấp, nguyên nhân dẫn đến tranh chấp.

Thu thập các tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc giải quyết tranh chấp.

3. Hòa giải viên lao động yêu cầu các bên có liên quan cung cấp các tài liệu, văn bản, chứng cứ có liên quan đến tranh chấp; tham khảo thêm ý kiến của tổ chức đại diện tập thể lao động tại cơ sở và lãnh đạo đơn vị trực tiếp quản lý người lao động (tổ, đội, phân xưởng, phòng ban).

4. Tổ chức họp hòa giải:

a) Phiên họp hòa giải phải có mặt hai bên tranh chấp. Các bên tranh chấp có thể ủy quyền cho người khác tham gia phiên họp hòa giải.

b) Xác định thành phần tham gia họp hòa giải:

Thành phần tham gia họp hòa giải tranh chấp lao động cá nhân gồm: hòa giải viên lao động, cá nhân người lao động có phát sinh tranh chấp, đại diện người sử dụng lao động, đại diện cho tổ chức đại diện tập thể lao động tại cơ sở.

c) Tổ chức cuộc họp:

Hòa giải viên lao động chủ trì cuộc họp và yêu cầu Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cử người làm thư ký ghi biên bản họp;

Tại cuộc họp, các bên phát biểu và nêu ý kiến, quan điểm của mình về vụ việc xảy ra;

Căn cứ các quy định của pháp luật lao động, hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể, nội quy lao động và các quy chế nội bộ khác của doanh nghiệp, hòa giải viên lao động phân tích những vấn đề đúng/sai trong cách hành sự của hai bên để gợi ý cho các bên tiến hành thương lượng, thỏa thuận;

Trường hợp hai bên không thỏa thuận được thì hòa giải viên lao động gợi mở và đưa ra các phương án hòa giải;

Hai bên thống nhất chọn phương án hòa giải hoặc không thống nhất với các phương án đưa ra;

Trường hợp hai bên thỏa thuận được hoặc thống nhất phương án hòa giải thì lập biên bản hòa giải thành; trường hợp hai bên không thống nhất với các phương án hòa giải thì lập biên bản hòa giải không thành.

5. Thông qua biên bản hòa giải và các bên ký vào biên bản hòa giải.

### **Điều 10. Quy trình tác nghiệp hòa giải tranh chấp lao động tập thể về quyền**

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu hòa giải, hòa giải viên lao động phải kết thúc việc hòa giải.

Việc tiến hành hòa giải được thực hiện theo các bước sau:



1. Xác định thời hiệu yêu cầu giải quyết tranh chấp lao động tập thể về quyền (còn thời hiệu hay đã hết thời hiệu):

Thời hiệu yêu cầu hòa giải viên lao động thực hiện hòa giải tranh chấp lao động tập thể về quyền là 01 năm kể từ ngày phát hiện ra hành vi mà mỗi bên tranh chấp cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị vi phạm.

2. Tìm hiểu vụ việc các bên tranh chấp:

Xác định rõ tính chất và mức độ phức tạp của vụ việc, tìm hiểu và làm rõ nội dung tranh chấp, nguyên nhân dẫn đến tranh chấp.

3. Thu thập các tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc giải quyết tranh chấp:

Hòa giải viên lao động yêu cầu các bên có liên quan cung cấp các tài liệu, văn bản, chứng cứ có liên quan đến tranh chấp; tham khảo thêm ý kiến của tổ chức đại diện tập thể lao động tại cơ sở và lãnh đạo đơn vị trực tiếp quản lý người lao động (tổ, đội, phân xưởng, phòng ban).

4. Tổ chức họp hòa giải:

a) Xác định thành phần tham gia họp hòa giải:

Thành phần tham gia hòa giải tranh chấp lao động tập thể về quyền gồm: bên đại diện cho người lao động gồm Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở hoặc Ban Chấp hành Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở (nơi không có Công đoàn cơ sở) và những người được Ban Chấp hành Công đoàn cử tham gia phiên họp; bên đại diện người sử dụng lao động; hòa giải viên lao động hoặc đại diện cơ quan quản lý nhà nước về lao động, đại diện Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở, đại diện tổ chức đại diện người sử dụng lao động mà người sử dụng lao động đó là thành viên tham gia khi một trong hai bên yêu cầu mời tham dự cuộc họp.

b) Tổ chức cuộc họp:

Hòa giải viên lao động chủ trì cuộc họp và yêu cầu Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cử người làm thư ký ghi biên bản họp;

Tại cuộc họp, các bên phát biểu và nêu ý kiến, quan điểm của mình về vụ việc xảy ra;

Những vấn đề liên quan đến các quy định của pháp luật về lao động, nếu hai bên hiểu chưa đúng thì hòa giải viên lao động có thể giải thích thêm hoặc đề

ngợi cơ quan quản lý nhà nước về lao động giải thích để các bên hiểu thống nhất và thực hiện đúng quy định;

Trường hợp một trong hai bên thực hiện chưa đúng các quy định của pháp luật về lao động thì hòa giải viên lao động căn cứ vào quy định của Bộ luật Lao động và các văn bản hướng dẫn thi hành Bộ luật Lao động để yêu cầu các bên vi phạm thực hiện đúng;

Trường hợp một trong hai bên vi phạm các quy định trong thỏa ước lao động tập thể, nội quy lao động và quy chế nội bộ thì yêu cầu bên vi phạm có những giải pháp cụ thể để chấp hành theo nội dung mà hai bên đã thỏa thuận. Trường hợp gặp phải những khó khăn bất khả kháng mà không thể thực hiện được thì hòa giải viên lao động hướng dẫn hai bên tiến hành thương lượng lại cho phù hợp với tình hình thực tế của doanh nghiệp;

Trường hợp hai bên không thỏa thuận được thì hòa giải viên lao động gợi mở và đưa ra các phương án hòa giải. Trong trường hợp này, hòa giải viên có thể tổ chức họp riêng với từng bên tranh chấp sau đó tổ chức họp chung có đại diện của các bên tham gia;

Hai bên thống nhất chọn phương án hòa giải hoặc không thống nhất với các phương án đưa ra;

Trường hợp hai bên thỏa thuận được hoặc thống nhất phương án hòa giải thì lập biên bản hòa giải thành; trường hợp hai bên không thống nhất với các phương án hòa giải thì lập biên bản hòa giải không thành.

5. Thông qua biên bản hòa giải và các bên ký vào biên bản hòa giải.

### **Điều 11. Quy trình tác nghiệp hòa giải tranh chấp lao động tập thể về lợi ích**

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu hòa giải, hòa giải viên lao động phải kết thúc việc hòa giải.

Việc tiến hành hòa giải được thực hiện theo các bước sau:

1. Tìm hiểu vụ việc các bên tranh chấp:

Xác định rõ tính chất và mức độ phức tạp của vụ việc, tìm hiểu và làm rõ nội dung tranh chấp, nguyên nhân dẫn đến tranh chấp.

## 2. Thu thập các tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc giải quyết tranh chấp:

Hòa giải viên lao động yêu cầu các bên có liên quan cung cấp các tài liệu, văn bản, chứng cứ có liên quan đến tranh chấp; tham khảo thêm ý kiến của đại diện tập thể lao động tại cơ sở và lãnh đạo đơn vị trực tiếp quản lý người lao động (tổ, đội, phân xưởng, phòng ban).

## 3. Tổ chức họp hòa giải:

### a) Xác định thành phần tham gia họp hòa giải:

Thành phần tham gia hòa giải tranh chấp lao động tập thể về lợi ích gồm: bên đại diện cho người lao động gồm Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở hoặc Ban Chấp hành Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở (nơi không có Công đoàn cơ sở) và những người được Ban Chấp hành Công đoàn cử tham gia phiên họp; bên đại diện người sử dụng lao động; hòa giải viên lao động hoặc đại diện cơ quan quản lý nhà nước về lao động, đại diện Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở, đại diện tổ chức đại diện người sử dụng lao động mà người sử dụng lao động đó là thành viên tham gia khi một trong hai bên yêu cầu mời tham dự cuộc họp.

### b) Tổ chức cuộc họp:

Hòa giải viên lao động chủ trì cuộc họp và yêu cầu Phòng Lao động -Thương binh và Xã hội cử người làm thư ký ghi biên bản họp;

Tại cuộc họp, các bên phát biểu và nêu ý kiến, quan điểm của mình về vụ việc xảy ra;

Trên cơ sở chứng cứ, số liệu có liên quan, các tài liệu thu thập được và yêu cầu, nguyện vọng của các bên, ý kiến tham gia hỗ trợ của các cơ quan có liên quan tham dự cuộc họp, hòa giải viên lao động gợi mở đưa ra những vấn đề hai bên thương lượng, thỏa thuận. Trong trường hợp hai bên có khoảng cách về yêu cầu giải quyết tranh chấp về lợi ích, hòa giải viên lao động có thể tổ chức họp riêng với từng bên tranh chấp sau đó tổ chức họp chung có đại diện của các bên tham gia;

Trường hợp hai bên thỏa thuận được hoặc thống nhất phương án hòa giải thì lập biên bản hòa giải thành; trường hợp hai bên không thống nhất với các phương án hòa giải thì lập biên bản hòa giải không thành.

## 4. Thông qua biên bản hòa giải và các bên ký vào biên bản hòa giải.

## **Chương V**

### **KINH PHÍ**

#### **Điều 12. Kinh phí hoạt động của hòa giải viên lao động**

1. Kinh phí hoạt động của hòa giải viên lao động do ngân sách nhà nước bảo đảm theo quy định phân cấp quản lý ngân sách hiện hành. Việc lập dự toán, quản lý và quyết toán kinh phí bảo đảm hoạt động của hòa giải viên lao động thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

2. Đối với hòa giải viên được lựa chọn thí điểm thực hiện Đề án Phát triển quan hệ lao động tại Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2014 - 2020 theo Quyết định số 1993/QĐ-UBND ngày 23 tháng 4 năm 2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố sẽ được hỗ trợ kinh phí từ nguồn kinh phí thực hiện Đề án này.

## **Chương VI**

### **TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN**

#### **Điều 13. Trách nhiệm của doanh nghiệp, tổ chức công đoàn và người lao động**

1. Doanh nghiệp và người lao động có trách nhiệm phối hợp với hòa giải viên lao động giải quyết tranh chấp lao động trên nguyên tắc thiện chí, trung thực;

2. Tổ chức công đoàn phối hợp, hỗ trợ với hòa giải viên lao động giải quyết tranh chấp lao động. Trường hợp người lao động hiểu chưa đúng những quy định của pháp luật lao động thì tổ chức công đoàn có thể giải thích thêm để người lao động hiểu thống nhất và thực hiện đúng quy định của pháp luật.

#### **Điều 14. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện**

1. Quản lý, rà soát, kiểm toàn, xây dựng đội ngũ hòa giải viên lao động bảo đảm đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ tại địa phương trong công tác hòa giải tranh chấp lao động;

2. Quyết định khen thưởng hoặc có văn bản đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố khen thưởng hòa giải viên lao động hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hoặc có thành tích đột xuất;

3. Có văn bản đề nghị miễn nhiệm hòa giải viên lao động gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội kèm theo Đơn xin thôi tham gia hòa giải viên lao động đối với trường hợp có đơn xin thôi tham gia hòa giải viên lao động;

4. Có văn bản đề nghị miễn nhiệm hòa giải viên lao động gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội kèm theo Báo cáo của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội về việc không hoàn thành nhiệm vụ hòa giải hoặc Biên bản họp xem xét mức độ vi phạm pháp luật của hòa giải viên lao động;

5. Chủ trì cuộc họp xem xét mức độ vi phạm pháp luật của hòa giải viên lao động với sự có mặt của hòa giải viên lao động, đại diện Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, các bên có liên quan đến hành vi vi phạm của hòa giải viên lao động. Biên bản cuộc họp phải có chữ ký của hòa giải viên lao động, đại diện của các bên tham gia.

### **Điều 15. Trách nhiệm của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội**

1. Thẩm định và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, bổ nhiệm hòa giải viên lao động theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện;

2. Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm công khai danh sách hòa giải viên lao động để người sử dụng lao động, tổ chức đại diện tập thể lao động tại cơ sở và người lao động biết, kể từ ngày nhận được quyết định bổ nhiệm hòa giải viên lao động của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố;

3. Tổ chức tập huấn bồi dưỡng kỹ năng, chuyên môn nghiệp vụ, quy tắc ứng xử, đạo đức nghề nghiệp cho hòa giải viên lao động Thành phố;

4. Có văn bản đề nghị miễn nhiệm hòa giải viên lao động gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện;

5. Phối hợp các Sở - ngành, đoàn thể, địa phương triển khai thực hiện Quy chế này.

## **Chương VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

### **Điều 16. Tổ chức thực hiện**

Quy chế này được quán triệt và triển khai đến các hòa giải viên lao động và các

tổ chức, cá nhân có liên quan. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội kịp thời ghi nhận và kiến nghị đề Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, giải quyết hoặc sửa đổi, bổ sung Quy chế cho phù hợp với thực tế./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thị Thu**

**PHẦN VĂN BẢN KHÁC****ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ****ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 03/CT-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 01 năm 2016***CHỈ THỊ****Về tổ chức thực hiện phong trào thi đua yêu nước năm 2016**

Năm 2016, đất nước ta diễn ra nhiều sự kiện trọng đại như: Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII; bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIV và bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp. Năm đầu tiên triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ X; kế hoạch kinh tế - xã hội 05 năm (2016 - 2020). Quán triệt tinh thần phát động thi đua của Thủ tướng Chính phủ tại Đại hội Thi đua yêu nước toàn quốc lần thứ IX ngày 07 tháng 12 năm 2015 và hưởng ứng của Đoàn Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; để tiếp tục phát huy kết quả đạt được trong năm 2015 và thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ và chương trình, kế hoạch công tác trọng tâm của Thành phố năm 2016, tạo đà cho việc thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu kinh tế - xã hội kế hoạch 05 năm (2016 - 2020). Ủy ban nhân dân Thành phố yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành, các Tổng công ty, công ty và các đơn vị thuộc Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện tập trung thực hiện tốt các nội dung sau đây:

1. Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động nhân dân, tạo sự đồng thuận cao trong hệ thống chính trị, của các tầng lớp nhân dân Thành phố nhằm phấn đấu vượt qua khó khăn, thách thức, ra sức thi đua thực hiện thắng lợi các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế xã hội năm 2016 và kế hoạch 5 năm (2016 - 2020) theo tinh thần Nghị quyết Hội đồng nhân dân Thành phố, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ X và Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII đề ra. Đặc biệt, tập trung

tổ chức tốt cuộc bầu cử Đại biểu Quốc hội và Đại biểu Hội đồng nhân các cấp đảm bảo đúng luật và thời gian theo quy định.

2. Thủ trưởng các ngành, các cấp, tiếp tục quán nội dung Chỉ thị số 34-CT/TW ngày 07 tháng 4 năm 2014 của Bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới công tác thi đua, khen thưởng, nhận thức đúng vai trò quan trọng của công tác thi đua, khen thưởng trong giai đoạn cách mạng hiện nay nhằm phát huy truyền thống yêu nước, tinh thần năng động, sáng tạo, đoàn kết, tạo động lực và sức mạnh tổng hợp, của các tầng lớp nhân dân, cán bộ, chiến sĩ Thành phố xây dựng, bảo vệ, phát triển Thành phố Hồ Chí Minh có chất lượng sống tốt, văn minh, hiện đại, nghĩa tình.

3. Tiếp tục đổi mới nội dung phong trào thi đua và công tác khen thưởng gắn với thực hiện Chỉ thị số 03-CT/TW ngày 14 tháng 5 năm 2011 của Bộ Chính trị về tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, nhằm nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng, cần kiệm, liêm chính, chí công vô tư, phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức, cán bộ chiến sĩ lực lượng vũ trang và người lao động góp phần xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền và các đoàn thể chính trị vững mạnh; đồng thời phong trào thi đua phải gắn kết với các cuộc vận động lớn của các Bộ, ban ngành, Đoàn thể Trung ương phát động, tạo khí thế thi đua sôi nổi, liên tục trong các cấp, các ngành và các lĩnh vực của đời sống xã hội, nhân rộng các tấm gương cá nhân, tập thể điển hình tiên tiến xuất sắc để nêu gương và lan tỏa trong cộng đồng.

4. Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức và các giải pháp trong tổ chức phong trào thi đua yêu nước, chú trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả phong trào thi đua hướng về cơ sở. Nội dung phong trào thi đua phải bám sát mục tiêu, nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch của Thành phố, của mỗi cấp, mỗi ngành, mỗi cơ quan, địa phương, đơn vị, doanh nghiệp, đặc biệt chú trọng đề ra các giải pháp trong phong trào thi đua để thực hiện có hiệu quả 7 Chương trình đột phá theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ X, tập trung giải quyết những vấn đề cấp bách, khó khăn, phức tạp trong sản xuất kinh doanh, đời sống, đồng thời gắn phong trào thi đua với khẩu hiệu hành động của Thành phố năm 2016 “Đổi mới - Hiệu quả và Phát triển”.

5. Bảo đảm giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn Thành phố; xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh; tổ chức phát động sâu rộng phong trào thi đua yêu nước gắn với các phong trào thi đua quyết thắng của Lực lượng vũ trang, phong



trào “Quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc”, phong trào “Vì Thành phố văn minh - sạch đẹp - an toàn”, tiếp tục nâng chất các tiêu chí trong phong trào thi đua “Cả Thành phố chung sức xây dựng nông thôn mới”, chương trình giảm nghèo bền vững. Huy động mọi nguồn lực để hỗ trợ các địa phương còn gặp khó khăn, kịp thời khen thưởng, biểu dương, nhân rộng các gương điển hình tiên tiến trong phong trào xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và các chính sách an sinh xã hội, đền ơn đáp nghĩa, đề động viên khích lệ, tạo động lực mới hiệu quả, thiết thực.

6. Tiếp tục thực hiện mạnh mẽ công tác cải cách hành chính, lấy việc công khai minh bạch đơn giản thủ tục hành chính và bố trí cán bộ, công chức, viên chức đủ phẩm chất, năng lực theo yêu cầu công việc làm khâu đột phá trong cải cách hành chính; đồng thời gắn với đề án ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý Nhà nước tại Thành phố. Kiên quyết khắc phục tệ quan liêu, cửa quyền, nhũng nhiễu, tham nhũng trong hệ thống chính trị Thành phố.

7. Củng cố, kiện toàn và nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp và năng lực thực hiện nhiệm vụ của cán bộ chuyên trách làm công tác thi đua, khen thưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể Thành phố, cơ quan, đơn vị, quận - huyện, Tổng công ty và công ty thuộc Thành phố, đáp ứng yêu cầu đổi mới công tác thi đua, khen thưởng trong tình hình mới.

#### 8. Tổ chức thực hiện:

a) Thủ trưởng các sở, ban, ngành, các Tổng công ty, công ty và các đơn vị thuộc Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện xây dựng kế hoạch, phát động phong trào thi đua trên tinh thần cụ thể hóa những nội dung của Chỉ thị này. Tổ chức kiểm tra, sơ kết, tổng kết và khen thưởng kịp thời để động viên các nhân tố mới, những tập thể, cá nhân lập được thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua, tạo sự phấn khởi và động viên tinh thần hăng hái thi đua lao động sản xuất, học tập và công tác của các đối tượng tham gia thi đua; báo cáo định kỳ tiến độ thực hiện và kết quả của phong trào thi đua theo quy định về Ủy ban nhân dân Thành phố (thông qua Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ).

b) Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố, các đoàn thể chính trị xã hội và các tổ chức xã hội nghề nghiệp chỉ đạo và phối hợp chặt chẽ với chính quyền các cấp, phát huy sức mạnh khối Đại đoàn kết toàn dân trong việc vận động cán bộ, công chức, đoàn viên, hội viên, viên chức, người sử dụng lao động, người lao

động và các tầng lớp nhân dân Thành phố tích cực hưởng ứng và tham gia thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động chuyên đề với tinh thần tự giác cao, đạt được hiệu quả thiết thực, để phong trào thi đua yêu nước thực sự là phong trào hành động cách mạng của quần chúng, góp phần tích cực vào sự nghiệp xây dựng và phát triển Thành phố bền vững.

c) Các ngành, các cấp, các địa phương tập trung lãnh đạo, tham mưu thực hiện tốt công tác Bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016 - 2021, đảm bảo đúng pháp luật, an toàn, tiết kiệm, hiệu quả.

d) Giao Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Văn hoá và Thể thao (Thường trực Ban Tổ chức các ngày lễ lớn) chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan hướng dẫn, chỉ đạo các cơ quan thông tin đại chúng của Thành phố và địa phương đẩy mạnh công tác tuyên truyền cổ động về phong trào thi đua yêu nước, lập thành tích chào mừng Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII, tuyên truyền Bầu cử Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp, kịp thời nêu gương người tốt, việc tốt, gương điển hình tiên tiến và nhân tố mới trong phong trào thi đua yêu nước của Thành phố.

đ) Lãnh đạo các đơn vị Cụm, Khối trưởng các cụm, khối thi đua xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động cụm, khối; xây dựng nội dung sinh hoạt chuyên đề thi đua gắn với nhiệm vụ trọng tâm, những lĩnh vực khó khăn, phức tạp đưa ra thảo luận các giải pháp, cách làm và bài học kinh nghiệm thiết thực để nhân rộng, tạo sự lan toả thành động lực phong trào thi đua của từng đơn vị trong cụm, khối thi đua và góp phần đẩy mạnh phong trào thi đua của Thành phố; tổ chức tốt phong trào phát huy sang kiến các hoạt động giao lưu văn hoá, văn nghệ, thể thao để tạo không khí thi đua sôi nổi, rộng khắp ở các cấp, các ngành và các tầng lớp nhân dân Thành phố.

e) Giao Ban Thi đua - Khen thưởng (Sở Nội vụ) tổ chức triển khai và theo dõi việc thực hiện Chỉ thị này; đồng thời có nhiệm vụ phối hợp với các thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Thành phố tổ chức kiểm tra, đôn đốc, sơ kết, tổng kết và báo cáo thường xuyên, kịp thời về tình hình, tiến độ triển khai và kết quả thực hiện phong trào thi đua của các cơ quan, đơn vị; giúp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Thành phố thẩm định thành tích để xem xét biểu dương, khen thưởng và đề nghị cấp trên khen thưởng chính xác, kịp thời đối với những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc đóng góp tích cực trong phong trào thi đua Thành phố.

f) Ban thi đua - Khen thưởng (Sở Nội vụ) chịu trách nhiệm phối hợp, tổ chức thực hiện ký kết và tổng kết công tác thi đua, khen thưởng Cụm 5 Thành phố trực

thuộc Trung ương đúng qui định, khách quan, chính xác.

Ủy ban nhân dân Thành phố yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể, Tổng công ty, công ty và các đơn vị thuộc Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện tổ chức thực hiện nghiêm túc Chi thị này, báo cáo định kỳ 06 tháng và tổng kết năm cho Ủy ban nhân dân Thành phố qua Ban Thi đua - Khen thưởng (Sở Nội vụ)./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thành Phong**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 752/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 02 năm 2016*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động  
của Quỹ Phòng, chống thiên tai Thành phố Hồ Chí Minh**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 94/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ ban hành Quy định về thành lập và quản lý Quỹ Phòng, chống thiên tai;

Căn cứ Quyết định số 2525/QĐ-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc thành lập Quỹ Phòng, chống thiên tai Thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố tại Công văn số 95/PCTT ngày 22 tháng 6 năm 2015, ý kiến của Sở Tài chính tại Công văn số 8731/STC-HCSN ngày 13 tháng 11 năm 2015 và của Sở Nội vụ tại Tờ trình số 30/TTr-SNV ngày 05 tháng 01 năm 2016,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của Quỹ Phòng, chống thiên tai Thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Trưởng ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Thành phố, Giám đốc Công an Thành phố, Giám đốc Quỹ Phòng,

---

chống thiên tai Thành phố, Thủ trưởng các sở - ngành, đơn vị có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Thanh Liêm**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY CHẾ**

### **Tổ chức và hoạt động của Quỹ Phòng, chống thiên tai Thành phố Hồ Chí Minh**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 752/QĐ-UBND  
ngày 25 tháng 02 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

#### **Điều 1. Quy định chung**

1. Phạm vi áp dụng: Quy chế này quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ Phòng, chống thiên tai Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là Quỹ).

2. Tên gọi và địa vị pháp lý của Quỹ:

a) Quỹ Phòng, chống thiên tai Thành phố Hồ Chí Minh.

b) Thông tin về Quỹ:

- Tên giao dịch: Quỹ Phòng, chống thiên tai Thành phố Hồ Chí Minh.

- Tên giao dịch quốc tế: Ho Chi Minh City Disaster Prevention Fund.

- Tên giao dịch quốc tế viết tắt: HDPF.

- Trụ sở của cơ quan quản lý Quỹ: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh, địa chỉ: số 176 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, Quận 1.

c) Quỹ có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng và được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước để hoạt động theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Quỹ**

1. Quỹ hoạt động không vì mục đích lợi nhuận.

2. Đảm bảo đúng mục đích, kịp thời, công khai, minh bạch, công bằng và hiệu quả, đúng theo quy định của pháp luật.

3. Quỹ chịu sự kiểm tra, thanh tra, kiểm toán của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định.

4. Tồn Quỹ cuối năm được chuyển sang năm sau.

**Điều 3. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn; tổ chức bộ máy điều hành Quỹ**

1. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của cơ quan quản lý Quỹ được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 2525/QĐ-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc thành lập Quỹ Phòng, chống thiên tai Thành phố Hồ Chí Minh.

**2. Tổ chức bộ máy điều hành Quỹ:**

a) Giám đốc Quỹ là người đại diện theo pháp luật, làm chủ tài khoản của Quỹ; chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân Thành phố và pháp luật về toàn bộ hoạt động nghiệp vụ của Quỹ. Giám đốc Quỹ có nhiệm vụ, quyền hạn như sau:

- Quản lý, điều hành hoạt động Quỹ Phòng, chống thiên tai Thành phố theo quy định tại Quyết định số 2525/QĐ-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc thành lập Quỹ Phòng, chống thiên tai Thành phố Hồ Chí Minh, Nghị định số 94/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ ban hành Quy định về thành lập và quản lý Quỹ Phòng, chống thiên tai.

- Tham mưu cấp có thẩm quyền quyết định việc đình chỉ, thu hồi kinh phí đã cấp hoặc hỗ trợ khi phát hiện đơn vị, địa phương, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư vi phạm cam kết về sử dụng kinh phí hoặc vi phạm các quy định khác của pháp luật liên quan.

- Tham mưu cấp có thẩm quyền quyết định việc miễn, giảm, tạm hoãn và thời hạn được miễn, giảm, tạm hoãn theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 94/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ.

- Tham mưu cấp có thẩm quyền quyết định mức chi và nội dung chi cho các đối tượng được hỗ trợ từ Quỹ.

- Quản lý, sử dụng tài sản (nếu có), nguồn kinh phí chi hoạt động quản lý Quỹ đúng quy định, nguyên tắc, định mức chi tiêu tài chính hiện hành và các quy định khác liên quan của pháp luật.

- Bố trí cán bộ, công chức, viên chức thuộc Chi cục Thủy lợi và Phòng chống lụt bão (Văn Phòng Thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố) thực hiện các nhiệm vụ của Quỹ theo chế độ kiêm nhiệm và được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm theo quy định.

- Phối hợp với các sở - ngành Thành phố, các đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố điều chỉnh, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Quỹ.

- Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc do Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giao.

b) Phó Giám đốc Quỹ thực hiện các nhiệm vụ theo sự phân công của Giám đốc Quỹ, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Quỹ và trước pháp luật về những nhiệm vụ đã được phân công.

c) Kế toán trưởng Quỹ có nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật Kế toán và các quy định của pháp luật về quản lý tài chính hiện hành.

d) Bộ phận nghiệp vụ giúp việc: do Giám đốc Quỹ quy định.

#### **Điều 4. Kinh phí hoạt động của Quỹ**

Quỹ được cấp kinh phí từ nguồn ngân sách Thành phố để đảm bảo cho các hoạt động thường xuyên theo dự toán được duyệt hàng năm.

#### **Điều 5. Đối tượng, mức đóng góp và việc quản lý, sử dụng Quỹ**

Đối tượng, mức đóng góp và việc quản lý, sử dụng Quỹ được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 94/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ.

#### **Điều 6. Các mối quan hệ công tác**

1. Đối với Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Tài chính: Quỹ Phòng, chống thiên tai Thành phố chịu sự chỉ đạo về chuyên môn, nghiệp vụ và có trách nhiệm thực hiện chế độ thông tin báo cáo theo quy định.

2. Đối với Ủy ban nhân dân Thành phố: Quỹ Phòng, chống thiên tai Thành phố chịu sự quản lý, chỉ đạo toàn diện và có trách nhiệm thực hiện chế độ thông tin báo cáo theo quy định.

3. Đối với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Cơ quan Thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố): Quỹ Phòng, chống thiên tai Thành phố chịu sự quản lý, kiểm tra trực tiếp về tổ chức và hoạt động của Quỹ và có trách nhiệm thực hiện chế độ thông tin báo cáo theo quy định.

4. Đối với các sở - ngành, đơn vị Thành phố và Ủy ban nhân dân các quận - huyện: Quỹ Phòng, chống thiên tai Thành phố có trách nhiệm hỗ trợ, triển khai, hướng dẫn, kiểm tra và đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ liên quan đến công tác quản lý, thu - nộp, sử dụng và thanh quyết toán Quỹ theo quy định.



**Điều 7. Trách nhiệm thi hành**

Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố, Thủ trưởng các sở - ngành, đơn vị Thành phố, Ủy ban nhân dân các quận - huyện, phường - xã - thị trấn, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

Trong quá trình triển khai thực hiện có những vấn đề chưa phù hợp cần điều chỉnh, bổ sung; các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh về Thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố để phối hợp với Sở Nội vụ trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Thanh Liêm**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 758/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 02 năm 2016*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt chương trình quản lý, kiểm tra, kiểm soát lâm sản  
trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2016 - 2020**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ và phát triển rừng ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ về thi hành Luật bảo vệ và phát triển rừng;

Căn cứ Nghị định số 157/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản;

Căn cứ Thông tư số 01/2012/TT-BNNPTNT ngày 04 tháng 01 năm 2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định hồ sơ lâm sản hợp pháp và kiểm tra nguồn gốc lâm sản;

Căn cứ Chỉ thị số 01/CT-UBND ngày 05 tháng 01 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố về thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách Thành phố năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 03/QĐ-UBND ngày 06 tháng 01 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố về Kế hoạch chỉ đạo điều hành phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách Thành phố, chương trình công tác của Ủy ban nhân dân Thành phố năm 2015;

Căn cứ Thông báo số 891/TB-VP ngày 16 tháng 11 năm 2015 của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố về Thông báo nội dung kết luận của Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Lê Thanh Liêm tại cuộc họp về một số nội dung công tác trọng tâm của Ngành Nông nghiệp cuối năm 2015 và quý I/2016;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 3148/TTr-SNN-KHTC ngày 22 tháng 12 năm 2015 về phê duyệt Chương trình quản lý, kiểm tra, kiểm soát lâm sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2016 - 2020,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kèm theo Quyết định này Chương trình quản lý, kiểm tra, kiểm soát lâm sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2016 - 2020.

**Điều 2.** Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với các Sở, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các quận - huyện và các cơ quan, đơn vị, các doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố để triển khai Chương trình quản lý, kiểm tra, kiểm soát lâm sản trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2016 - 2020.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Công Thương, Giám đốc Công an Thành phố, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Cục Hải quan Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Thanh Liêm**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **CHƯƠNG TRÌNH**

**Quản lý, kiểm tra, kiểm soát lâm sản**

**trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2016 - 2020**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 758/QĐ-UBND*

*ngày 26 tháng 02 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

### **I. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ CÁC CƠ SỞ CHẾ BIẾN, KINH DOANH LÂM SẢN**

#### **1. Đánh giá chung**

Thành phố Hồ Chí Minh là trung tâm kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật và dịch vụ lớn của cả nước, là vùng kinh tế trọng điểm của phía Nam nên việc mua bán, kinh doanh, chế biến lâm sản và xuất nhập khẩu ngày càng phát triển. Nhất là trong những năm gần đây khi nền kinh tế của Thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng đang được phục hồi, thu nhập của người dân được nâng lên, nhu cầu sử dụng các sản phẩm được làm bằng gỗ có xu hướng tăng cao nhất là các mặt hàng thủ công mỹ nghệ.

Để đáp ứng nhu cầu tiêu thụ trong nước và xuất khẩu mặt hàng thủ công mỹ nghệ, trong những năm gần đây đã có nhiều cơ sở, doanh nghiệp đã và đang đầu tư máy móc, trang thiết bị kỹ thuật vào lĩnh vực chế biến, kinh doanh gỗ và lâm sản, nhất là mặt hàng thủ công mỹ nghệ, các sản phẩm có chế tác tinh xảo.

#### **2. Số liệu thống kê, điều tra, khảo sát một số chỉ tiêu chủ yếu**

a) Số cơ sở chế biến, kinh doanh gỗ và hàng mộc:

Theo số liệu khảo sát năm 2015 của Chi cục Kiểm lâm và số liệu Thống kê của Phòng kinh tế các quận, huyện, trên địa bàn Thành phố ước có khoảng hơn 500 cơ sở, cửa hàng chế biến, kinh doanh lâm sản và các sản phẩm được làm từ gỗ, nhưng hiện nay Chi cục Kiểm lâm chỉ mới lập hồ sơ quản lý được khoảng hơn 300 cửa hàng, cơ sở. Số còn lại Chi cục Kiểm lâm chưa lập được đầy đủ hồ sơ để quản lý theo quy định.

b) Nguyên liệu tiêu thụ của các cơ sở, chế biến, trên địa bàn Thành phố từ năm 2012 đến tháng 10 năm 2015:

Nguồn gốc gỗ	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	10 tháng năm 2015
Gỗ rừng trồng	32,740 m <sup>3</sup>	45,631 m <sup>3</sup>	45,646 m <sup>3</sup>	không
Gỗ rừng tự nhiên trong nước	8,500 m <sup>3</sup>	9,370 m <sup>3</sup>	9,472 m <sup>3</sup>	176,948 m <sup>3</sup>
Gỗ nhập khẩu	247.660,0 m <sup>3</sup>	242.205,0 m <sup>3</sup>	268.808,0 m <sup>3</sup>	201.955,0 m <sup>3</sup>
Cộng	247.701,0 m <sup>3</sup>	224.260,0 m <sup>3</sup>	268.863,2 m <sup>3</sup>	202.131,948 m <sup>3</sup>

c) Về lao động và thu nhập của người lao động:

Trong 3 năm trở lại đây các cơ sở, doanh nghiệp chế biến gỗ trên địa bàn Thành phố thu hút mỗi năm khoảng 6.000 lao động, trong đó chủ yếu là lao động trực tiếp, thu nhập của người lao động trung bình khoảng từ 5.500.000 đồng đến 7.500.000 đồng/người/tháng.

d) Về nguồn gỗ sử dụng bất hợp pháp:

Theo số liệu thống kê của Chi cục Kiểm lâm từ năm 2011 đến ngày 30 tháng 10 năm 2015 trên địa bàn Thành phố xảy ra 476 vụ vi phạm Luật bảo vệ và phát triển rừng, trong đó hành vi mua bán, vận chuyển, cất giữ lâm sản trái pháp luật 158 vụ (chiếm 33% số vụ vi phạm): Tang vật tịch thu 622,746 m<sup>3</sup> gỗ, trong đó có 175,227 m<sup>3</sup> gỗ tròn, 447,519 m<sup>3</sup> gỗ xẻ, trong đó có nhiều loại quý, hiếm, toàn bộ số gỗ trên do Chi cục Kiểm lâm trực tiếp tham gia bắt giữ và lập biên bản. Bên cạnh đó vẫn còn các cơ quan chức năng khác bắt giữ; như Chi cục Quản lý thị trường; các Chi cục Hải quan; Công an Thành phố, Công an các quận, huyện... mỗi năm các đơn vị này bắt giữ và tịch thu khoảng từ 150 đến 200 m<sup>3</sup> gỗ các loại.

### 3. Kết luận và kiến nghị

Trong những năm vừa qua công tác quản lý Nhà nước đối với các cơ sở, doanh nghiệp còn gặp khó khăn bởi Chi cục Kiểm lâm chỉ mới quản lý được các cơ sở, doanh nghiệp lớn chuyên nhập khẩu và chế biến gỗ để kinh doanh, xuất khẩu; Số cơ sở nhỏ và các cửa hàng kinh doanh đồ gỗ và các sản phẩm được làm từ gỗ chưa được rà soát, thống kê đầy đủ. Do vậy qua Chương trình này, Chi cục Kiểm lâm sẽ tiếp tục rà soát, thống kê để đưa vào quản lý theo quy định của Thông tư số 01/2012/TT-

BNNPTNT ngày 04 tháng 01 năm 2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định hồ sơ lâm sản hợp pháp và kiểm tra nguồn gốc lâm sản.

Với những hạn chế nêu trên nên việc quản lý các cơ sở chế biến, kinh doanh gỗ và lâm sản bằng công nghệ Thông tin trong giai đoạn 2016 - 2020 là hết sức cần thiết.

## **II. SỰ CẦN THIẾT VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ**

### **1. Sự cần thiết**

Để nắm được tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của các cơ sở, doanh nghiệp chế biến gỗ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Từ đó thấy được tổng thể về năng lực sản xuất thực tế của ngành công nghiệp chế biến gỗ trên địa bàn, phù hợp thực tế, nhằm hỗ trợ, thúc đẩy ngành chế biến gỗ phát triển và tiêu thụ sản phẩm, góp phần thực hiện chiến lược phát triển lâm nghiệp Thành phố giai đoạn 2016 - 2020.

Nhằm tăng cường hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước của các cơ quan chức năng trong việc kiểm tra, kiểm soát ngăn chặn và xử lý các hành vi mua bán, chế biến, kinh doanh, vận chuyển, cất giữ trái phép lâm sản.

Nhằm quản lý chặt chẽ hoạt động kinh doanh, chế biến lâm sản của các cá nhân, tổ chức trên địa bàn Thành phố, hướng dẫn, tạo điều kiện để các doanh nghiệp thực hiện đúng quy định của pháp luật về kinh doanh, chế biến lâm sản hợp pháp, ổn định và bền vững.

Do vậy việc xây dựng và triển khai thực hiện Chương trình quản lý, kiểm tra, kiểm soát lâm sản, trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2016 - 2020 là hết sức cần thiết.

### **2. Cơ sở pháp lý**

- Luật bảo vệ và phát triển rừng năm 2004;
- Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012;
- Nghị định số 157/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản;
- Nghị định số 40/2015/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 157/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản;

- Quyết định số 18/2007/QĐ-TTg ngày 05 tháng 02 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2006 - 2020;

- Quyết định số 919/QĐ-BNN-TCLN ngày 05 tháng 5 năm 2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về phê duyệt Kế hoạch hành động nâng cao giá trị gia tăng sản phẩm gỗ qua chế biến giai đoạn 2014 - 2020;

- Thông tư số 01/2012/TT-BNNPTNT ngày 04 tháng 01 năm 2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định hồ sơ lâm sản hợp pháp và kiểm tra nguồn gốc lâm sản;

- Thông tư số 40/2015/TT-BNNPTNT ngày 21 tháng 10 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2012/TT-BNNPTNT ngày 04 tháng 01 năm 2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định hồ sơ lâm sản hợp pháp và kiểm tra nguồn gốc lâm sản;

- Quyết định số 4750/QĐ-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố Ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án "Tái cơ cấu ngành Lâm nghiệp" trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 1567/QĐ-BNN-TCLN ngày 08 tháng 7 năm 2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Thông báo số 891/TB-VP ngày 16 tháng 11 năm 2015 của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố về Thông báo nội dung kết luận của Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Lê Thanh Liêm tại cuộc họp về một số nội dung công tác trọng tâm của Ngành Nông nghiệp cuối năm 2015 và quý I/2016;

### **III. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP**

#### **1. Mục tiêu chung**

- Nâng cao năng lực quản lý nhà nước đối với hoạt động sản xuất, chế biến, kinh doanh, mua bán, vận chuyển lâm sản.

- Tạo điều kiện tốt nhất cho các doanh nghiệp, chế biến kinh doanh, gỗ và lâm sản, trên địa bàn Thành phố có điều kiện để nâng cao được chất lượng sản phẩm, hiệu quả và năng lực cạnh tranh, gia tăng giá trị sản phẩm có giá trị và phát triển bền vững.

- Hạn chế đến mức thấp nhất các vụ vi phạm pháp luật trong lĩnh vực sản xuất, chế biến, kinh doanh lâm sản trên địa bàn Thành phố, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm.

- Tăng cường công tác Quản lý kiểm tra, kiểm soát và giám sát, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước đối với các cơ sở, doanh nghiệp chế biến, kinh doanh lâm sản, trên địa bàn Thành phố.

## **2. Mục tiêu cụ thể**

- 100% các doanh nghiệp, tổ chức, các cơ sở kinh doanh, chế biến, xuất khẩu, nhập khẩu gỗ và các lâm sản khác trên địa bàn Thành phố nắm rõ các quy định của nhà nước về quản lý, kiểm tra, kiểm soát lâm sản.

- Đảm bảo 100% tổ chức, doanh nghiệp có điều kiện tiếp cận và sử dụng các loại lâm sản có nguồn gốc hợp pháp.

- 100% các doanh nghiệp, tổ chức, các cơ sở chế biến, kinh doanh lâm sản trên địa bàn Thành phố được quản lý, hỗ trợ về pháp lý trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin (GIS) theo quy định của pháp luật.

- Phát hiện, xử lý nghiêm và từng bước xóa bỏ hoàn toàn các điểm mua bán, vận chuyển, cất giữ, chế biến, kinh doanh lâm sản, trái pháp luật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

## **3. Nhiệm vụ**

- Tuyên truyền, phổ biến pháp luật, nâng cao nhận thức cho cá nhân, tổ chức, đảm bảo 100% doanh nghiệp có hoạt động sản xuất, kinh doanh, chế biến lâm sản hiểu và nắm được các quy định của Nhà nước.

- Tăng cường công tác bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức làm nhiệm vụ kiểm tra, kiểm soát lâm sản.

- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát nhằm phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm các hành vi mua bán, kinh doanh, vận chuyển, cất giữ lâm sản trái với các quy định của pháp luật.

- Tăng cường phối hợp có hiệu quả giữa lực lượng Kiểm lâm với các cơ quan chức năng và chính quyền địa phương các cấp trong công tác quản lý, kiểm tra, kiểm soát lâm sản.

- Ứng dụng công nghệ thông tin (GIS) vào quản lý các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh gỗ và lâm sản.

## **4. Các giải pháp chủ yếu**

a) Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật: Với mục đích chủ yếu:



- Nâng cao nhận thức của tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trong việc sản xuất, chế biến, kinh doanh, xuất nhập khẩu lâm sản và các sản phẩm được làm từ gỗ về các chủ trương, chính sách của Nhà nước.

- Nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về quản lý, kiểm tra, kiểm soát lâm sản cho cán bộ, công chức Kiểm lâm và các cơ quan chức năng liên quan.

b) Nâng cao năng lực quản lý Nhà nước đối với hoạt động sản xuất, chế biến, kinh doanh, mua bán, vận chuyển lâm sản trên địa bàn Thành phố. Tạo điều kiện tốt nhất cho các doanh nghiệp chế biến, kinh doanh lâm sản và các sản phẩm được làm từ gỗ có đầy đủ điều kiện để nâng cao chất lượng sản phẩm, hiệu quả và năng lực cạnh tranh, gia tăng sản phẩm có giá trị và phát triển bền vững.

c) Nâng cao năng lực kiểm tra, kiểm soát, lâm sản, thường xuyên tổ chức đào tạo tập huấn và bổ sung trang thiết bị, phương tiện cho lực lượng Kiểm lâm và các cơ quan chức năng nhằm nâng cao năng lực quản lý, kiểm tra, kiểm soát, lâm sản, bao gồm:

- Tập huấn nâng cao kiến thức về pháp luật và kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức Kiểm lâm và các cơ quan chức năng liên quan.

- Trang bị các phương tiện chuyên dùng cho lực lượng Kiểm lâm trong việc quản lý, kiểm tra, kiểm soát lâm sản.

- Tăng cường kiểm tra, kiểm soát, các cơ sở sản xuất, kinh doanh thường xảy ra vi phạm trong thời gian qua, lập được danh sách, địa chỉ cụ thể về các đối tượng có hành vi mua bán, kinh doanh, cất giữ lâm sản trái pháp luật.

- Tổ chức các đợt kiểm tra định kỳ, đột xuất các cơ sở chế biến, kinh doanh lâm sản theo quy định của pháp luật.

d) Tăng cường công tác phối hợp giữa lực lượng Kiểm lâm với các cơ quan chức năng và chính quyền địa phương các cấp trong công tác kiểm tra, kiểm soát lâm sản.

e) Kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các cơ sở, doanh nghiệp có hành vi mua bán, vận chuyển, kinh doanh, cất giữ lâm sản trái pháp luật.

#### **IV. CÁC HOẠT ĐỘNG CỤ THỂ**

**1. Hoạt động: Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về quản lý lâm sản**

a) Mục tiêu:

- Nâng cao nhận thức của tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trong việc kinh doanh, sản xuất, chế biến và nhập, xuất lâm sản về các quy định quản lý của Nhà nước.

b) Nội dung:

- Xây dựng nội dung, kế hoạch, chương trình tuyên truyền về các quy định quản lý của nhà nước trong việc sản xuất, chế biến, kinh doanh lâm sản.

Năm 2016 tổ chức 02 lớp tập huấn, tuyên truyền cho các tổ chức, cá nhân đang sản xuất, chế biến, kinh doanh gỗ và lâm sản trên địa bàn Thành phố: Cho hơn 200 cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp.

Năm 2017 - 2020 tiếp tục rà soát, thống kê các cơ sở, cửa hàng kinh doanh lâm sản và các sản phẩm được làm bằng gỗ trên địa bàn. Mỗi năm tổ chức 04 lớp tập huấn, tuyên truyền cho các tổ chức, cá nhân đang sản xuất, chế biến, kinh doanh gỗ và lâm sản cho khoảng 600 cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp.

Kinh phí thực hiện: 471.600.000 đồng gồm: (Photo các văn bản quy phạm pháp luật về nhập khẩu, xuất khẩu gỗ và lâm sản khác, mời báo cáo viên, thuê hội trường, chi phí tổ chức tập huấn...).

Cơ quan chủ trì: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Cơ quan thực hiện: Chi cục Kiểm lâm phối hợp các cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp.

**2. Hoạt động: Đào tạo bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, công chức Kiểm lâm và cán bộ thuộc các cơ quan chức năng liên quan**

a) Mục tiêu:

- Nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức Kiểm lâm và cán bộ thuộc các cơ quan chức năng liên quan (Công an, Quản lý thị trường, Hải quan, Ủy ban nhân dân các quận, huyện...) trong việc thực hiện chương trình quản lý, kiểm tra, kiểm soát lâm sản.

b) Nội dung:

Thống kê, tập hợp các văn bản quy phạm pháp luật, tổ chức bồi dưỡng, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ công chức Kiểm lâm, cán bộ các cơ quan chức năng trong việc kiểm tra, kiểm soát các hành vi mua bán, vận chuyển, chế biến, kinh doanh, cất giữ lâm sản trái với quy định của pháp luật. (triển khai các văn bản mới...)

Năm 2016 - 2020, mỗi năm tổ chức 02 lớp tập huấn, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, công chức thực thi pháp luật (300 người/năm).

Kinh phí thực hiện: 217.000.000 đồng gồm (Photo tài liệu, văn bản quy phạm pháp luật, mời báo cáo viên, thuê hội trường, hỗ trợ một phần tiền ăn, nước uống cho cán bộ, công chức tham gia tập huấn và chi phí tổ chức tập huấn....).

Cơ quan chủ trì: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Cơ quan thực hiện: Chi cục Kiểm lâm phối hợp các cơ quan liên quan, Ủy ban nhân dân các quận, huyện.

### **3. Hoạt động: Ứng dụng công nghệ thông tin (GIS) vào quản lý các cơ sở chế biến kinh doanh gỗ và lâm sản**

#### a) Mục tiêu:

Đưa việc ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý các cơ sở chế biến kinh doanh gỗ và lâm sản: Để tăng cường công tác kiểm tra, giám sát một cách đồng bộ, chặt chẽ, đồng thời tạo điều kiện cho các cơ sở, doanh nghiệp có đủ điều kiện chứng minh nguồn gốc lâm sản và nâng cao giá trị hàng hóa.

Nhằm phát hiện kịp thời và hạn chế tối đa các vụ vi phạm pháp luật về chế biến, sản xuất, kinh doanh, mua bán, vận chuyển, cất giữ lâm sản trái với các quy định của pháp luật. Qua đó hướng dẫn để các cơ sở, doanh nghiệp thực hiện đúng quy định của pháp luật.

#### b) Nội dung:

Ứng dụng công nghệ thông tin (GIS) vào quản lý các cơ sở kinh doanh chế biến gỗ và lâm sản trên địa bàn.

Tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng về ứng dụng công nghệ thông tin (GIS) cho cán bộ, công chức thực thi pháp luật.

Lập kế hoạch điều tra, khảo sát, Rà soát và lập danh sách các cơ sở chế biến, kinh doanh lâm sản thông qua công nghệ thông tin (GIS).

Trang bị công nghệ thông tin phục vụ cho việc triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý các cơ sở chế biến kinh doanh gỗ và lâm sản bằng phần mềm thông tin địa lý công nghệ GIS) gồm:

- Đặt hàng xây dựng phần mềm về quản lý cơ sở, dữ liệu các cơ sở sản xuất, kinh doanh gỗ và lâm sản.

- Trang bị 02 máy quay phim, chụp hình (Phòng thanh tra - pháp chế 01 máy, Đội Kiểm lâm cơ động 01 máy).

- Trang bị 04 máy tính để bàn (Phòng thanh tra - pháp chế 01 máy, Đội Kiểm lâm cơ động và PCCCR 01 máy, Hạt Kiểm lâm Củ Chi 01 máy, Hạt Kiểm lâm Cần Giờ 01 máy).

- Trang bị 02 máy tính xách tay (Để thực hiện công tác ngoại nghiệp trên toàn địa bàn Thành phố).

Kinh phí thực hiện: 422.600.000 đồng gồm: (Thực hiện ngoại nghiệp và nội nghiệp, mua máy, đặt viết phần mềm, tập huấn chuyển giao sử dụng ...).

Cơ quan chủ trì: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Cơ quan thực hiện: Chi cục Kiểm lâm phối hợp các cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp.

#### **4. Hoạt động: Tăng cường kiểm tra, kiểm soát lâm sản và Học tập kinh nghiệm các mô hình quản lý có hiệu quả của các tỉnh khác**

##### a) Mục tiêu:

Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về chủ trương, chính sách của nhà nước cho các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp trong hoạt động sản xuất, chế biến, kinh doanh, xuất nhập khẩu gỗ và lâm sản.

Hạn chế tối đa các vụ vi phạm pháp luật về sản xuất, chế biến, kinh doanh, mua bán, vận chuyển, cất giữ lâm sản trái với các quy định của pháp luật.

##### b) Nội dung:

Phối hợp các cơ quan chức năng, chính quyền địa phương tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về hồ sơ lâm sản hợp pháp, thủ tục nhập, xuất lâm sản theo quy định của pháp luật.

Tăng cường công tác phối hợp các cơ quan chức năng, chính quyền địa phương các cấp trong việc kiểm tra, kiểm soát định kỳ, đột xuất các cơ sở chế biến, kinh doanh gỗ và lâm sản trên địa bàn, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật.

Rà soát và lập danh sách các cơ sở chế biến, kinh doanh lâm sản, có dấu hiệu vi phạm pháp luật để có biện pháp đấu tranh, ngăn chặn.

Mỗi quý tổ chức 01 đợt kiểm tra định kỳ các cơ sở, doanh nghiệp trong việc sản xuất, kinh doanh, chế biến gỗ và lâm sản, (05 ngày/đợt gồm 08 người; Kiểm lâm, Công an, Ủy ban nhân dân các quận - huyện).

Tổ chức học tập kinh nghiệm các mô hình quản lý, kiểm tra, kiểm soát lâm sản, có hiệu quả của các tỉnh bạn.

Kinh phí thực hiện: 456.400.000 đồng gồm (Chi phí học tập kinh nghiệm, nhiên liệu, công tác phí, cho các lực lượng tham gia).

Cơ quan chủ trì: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Cơ quan thực hiện: Chi cục Kiểm lâm phối hợp các cơ quan chức năng, Ủy ban nhân dân các quận, huyện.

## **V. KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIAI ĐOẠN 2016 - 2020**

- Nguồn vốn: Ngân sách Thành phố để thực hiện Chương trình được giao theo dự toán hàng năm của Chi cục Kiểm lâm.

- Dự toán kinh phí: 1.567.600.000 đồng (Một tỷ năm trăm sáu mươi bảy triệu sáu trăm ngàn đồng).

- Phân kỳ: (Chi tiết cụ thể theo phụ lục (1), (2), (3), (4), (5) đính kèm).

## **VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Thời gian thực hiện từ năm 2016 đến năm 2020**

### **2. Một số nhiệm vụ cụ thể:**

a) Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Chủ trì phối hợp với các Sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các quận, huyện tổ chức triển khai thực hiện Chương trình này, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện hàng năm.

- Chỉ đạo Chi cục Kiểm lâm:

+ Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng, chính quyền địa phương tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật trong lĩnh vực quản lý, kiểm tra, kiểm soát lâm sản, theo quy định của pháp luật.

+ Kiên quyết đấu tranh ngăn chặn và xử lý nghiêm các cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm trong kinh doanh, chế biến, mua bán, vận chuyển, cất giữ lâm sản trái với quy định của pháp luật.

+ Tổ chức các lớp tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ, công chức thực thi pháp luật.

+ Hướng dẫn việc kinh doanh, vận chuyển, chế biến lâm sản phải có đầy đủ hồ sơ, chứng từ chứng minh nguồn gốc hợp pháp theo quy định của pháp luật.

+ Rà soát, lập danh sách những đối tượng đã nhiều lần vi phạm các quy định về quản lý lâm sản để phối hợp với các cơ quan chức năng, chính quyền các địa phương có biện pháp quản lý, đấu tranh ngăn chặn kịp thời.

b) Giao Sở Công Thương chỉ đạo Chi cục Quản lý thị trường:

Tăng cường phối hợp cùng Chi cục Kiểm lâm tổ chức kiểm tra, kiểm soát các cơ sở sản xuất, kinh doanh để phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm các quy định về sản xuất, kinh doanh, mua bán, cất giữ trái phép lâm sản trên địa bàn Thành phố.

c) Giao Công an Thành phố chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc:

Tăng cường phối hợp với Chi cục Kiểm lâm tổ chức kiểm tra, kiểm soát các cơ sở chế biến, kinh doanh, các trục đường giao thông, bến cảng, các khu dân cư để phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm các quy định về mua bán, vận chuyển, chế biến, kinh doanh trái phép lâm sản.

d) Giao Cục Hải quan Thành phố:

Tăng cường phối hợp Chi cục Kiểm lâm tổ chức kiểm tra, kiểm soát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu qua cửa khẩu, bến cảng, để phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm các quy định về mua bán, vận chuyển, chế biến, kinh doanh trái phép lâm sản.

e) Giao Sở Tài chính:

Cân đối, đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố giải quyết, bố trí ngân sách sự nghiệp hàng năm cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chi cục Kiểm lâm) để triển khai thực hiện các nội dung Chương trình quản lý, kiểm tra, kiểm soát lâm sản.

g) Giao Sở Thông tin và Truyền thông chỉ đạo các cơ quan báo, đài của Thành phố:

Phối hợp với Chi cục Kiểm lâm xây dựng các chương trình tuyên truyền nâng cao nhận thức cho các cá nhân, cơ sở, doanh nghiệp về chủ trương, chính sách của Nhà nước trong việc sản xuất, chế biến, kinh doanh gỗ và lâm sản.

h) Giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Thực hiện công tác quản lý nhà nước theo sự phân công, phân cấp của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, không để xảy ra tình trạng mua bán, vận chuyển, cất giữ trái phép lâm sản trên địa bàn quận, huyện quản lý;

- Phối hợp với Sở, ngành chuyên môn của Thành phố thực hiện công tác quản lý nhà nước đối với các cơ sở, doanh nghiệp chế biến, kinh doanh gỗ và lâm sản, đúng quy định pháp luật./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**



Phụ lục: 1

48

## DỰ TOÁN KINH PHÍ

### CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ, KIỂM TRA, KIỂM SOÁT LÂM SẢN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

Nội dung: Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về quản lý lâm sản và động vật rừng  
(Kèm theo Quyết định số 758 /QĐ-UBND ngày 26 tháng 02 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Kinh phí			Phân kỳ kinh phí thực hiện					Tổng cộng
			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	2016	2017	2018	2019	2020	
	Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về quản lý lâm sản và động vật rừng					Tổ chức 02 lớp	Tổ chức 04 lớp	Tổ chức 04 lớp	Tổ chức 04 lớp	Tổ chức 04 lớp	Tổ chức 18 lớp
<b>I</b>	<b>Chi tiết kinh phí tổ chức 01 lớp tập huấn</b>			<b>26.200.000</b>	<b>52.400.000</b>	<b>104.800.000</b>	<b>104.800.000</b>	<b>104.800.000</b>	<b>104.800.000</b>	<b>104.800.000</b>	<b>471.600.000</b>
1	Chi cho giảng viên, báo cáo viên										
-	Chi thù lao giảng viên	buổi	2	500.000	1.000.000						
-	Phụ cấp tiền ăn cho giảng viên	ngày	1	100.000	100.000						
-	Tiền phòng nghỉ giảng viên (nếu có)	ngày	1	350.000	350.000						
-	Tiền taxi xe giảng viên (nếu có)	Lần	2	100.000	200.000						
2	Chi quản lý, phục vụ lớp học										
-	Thuê hội trường, thiết bị	Ngày	1	5.000.000	5.000.000						
-	Photo tài liệu tập huấn	Tài liệu	150	50.000	7.500.000						
-	Thuê phương tiện đi lại, vận chuyển tài liệu	đợt	1	500.000	500.000						



-	Giấy, bút, tem thư, bì đựng hồ sơ...	đợt	150	15.000	2.250.000						
-	Chi công khảo sát địa điểm tổ chức	công	2	150.000	300.000						
<b>3</b>	<b>Chi cho học viên</b>										
-	Tiền nước uống cho học viên	ngày	150	10.000	1.500.000						
-	Hỗ trợ tiền tàu xe học viên	02 lượt	150	50.000	7.500.000						
	<b>TỔNG CỘNG</b>					52.400.000	104.800.000	104.800.000	104.800.000	104.800.000	471.600.000



**DỰ TOÁN KINH PHÍ**  
**QUANG TRÌNH QUẢN LÝ, KIỂM TRA, KIỂM SOÁT LÂM SẢN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ**  
**GIẢI ĐOẠN 2016 - 2020**

Đào tạo bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ Kiểm lâm và cán bộ thuộc các cơ quan chức năng liên quan  
 (Kèm theo Quyết định số 758 /QĐ-UBND ngày 26 tháng 02 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Kinh phí			Phần kỳ kinh phí thực hiện					Tổng cộng
			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	2016	2017	2018	2019	2020	
	<b>Đào tạo bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ Kiểm lâm và cán bộ thuộc các cơ quan chức năng liên quan.</b>					Tổ chức 02 lớp	Tổ chức 02 lớp	Tổ chức 02 lớp	Tổ chức 02 lớp	Tổ chức 02 lớp	Tổ chức 10 lớp
<b>I</b>	<b>Chi tiết kinh phí tổ chức lớp tập huấn 01 ngày, số lượng: 150</b>				<b>21.700.000</b>	<b>43.400.000</b>	<b>43.400.000</b>	<b>43.400.000</b>	<b>43.400.000</b>	<b>43.400.000</b>	<b>217.000.000</b>
1	Chi cho giảng viên, báo cáo viên										
-	Chi thù lao giảng viên	buổi	2	500.000	1.000.000						
-	Phụ cấp tiền ăn cho giảng viên	ngày	1	100.000	100.000						
-	Tiền phòng nghỉ giảng viên (nếu có)	ngày	1	350.000	350.000						
-	Tiền tàu xe giảng viên (nếu có)	Lần	2	100.000	200.000						
2	Chi quản lý, phục vụ lớp học										
-	Thuê hội trường, thiết bị	Ngày	1	5.000.000	5.000.000						
-	Photo tài liệu tập huấn	Tài liệu	150	50.000	7.500.000						
-	Thuê phương tiện đi lại, vận chuyển tài liệu	đợt	1	500.000	500.000						
-	Giấy, bút, tem thư, bìa đựng hồ sơ...	đợt	150	15.000	2.250.000						
-	Chi công khảo sát địa điểm tổ chức	công	2	150.000	300.000						
3	Chi cho học viên										
-	Hỗ trợ tiền ăn cho học viên	ngày	150	20.000	3.000.000						
-	Tiền nước uống cho học viên	ngày	150	10.000	1.500.000						
	<b>TỔNG CỘNG</b>					<b>43.400.000</b>	<b>43.400.000</b>	<b>43.400.000</b>	<b>43.400.000</b>	<b>43.400.000</b>	<b>217.000.000</b>



**DỰ TOÁN KINH PHÍ**  
**QUẢN LÝ, KIỂM TRA, KIỂM SOÁT LÂM SẢN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ**  
**GIẢI ĐOẠN 2016 - 2020**

Nội dung: Ứng dụng công nghệ Thông tin (GIS) vào quản lý các cơ sở chế biến, kinh doanh gỗ và lâm sản  
 (Kế hoạch theo Quyết định số 758 /QĐ-UBND ngày 26 tháng 02 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Đơn vị tính: đồng

Stt	Nội dung	Đơn vị tính	Kinh phí			Phân kỳ kinh phí thực hiện					Tổng cộng
			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	2016	2017	2018	2019	2020	
<b>I</b>	<b>Thuê viết phần mềm quản lý về chế biến, kinh doanh đồ gỗ và lâm sản khác</b>				<b>250.000.000</b>	<b>250.000.000</b>					<b>250.000.000</b>
1	Phần mềm quản lý tổng hợp chung		1	60.000.000	60.000.000						
2	Xây dựng 02 modul chuyên quản lý cơ sở chế biến gỗ	modu l	2	30.000.000	60.000.000						
3	Xây dựng 02 modul chuyên quản lý cơ sở kinh doanh gỗ	modu l	2	30.000.000	60.000.000						
4	Xây dựng 02 modul chuyên quản lý lâm sản khác	modu l	2	30.000.000	60.000.000						
5	Bảo trì hướng dẫn và bổ sung nâng cấp	năm	1	10.000.000	10.000.000						
<b>II</b>	<b>Trang thiết bị phục vụ xây dựng cơ sở</b>				<b>113.000.000</b>	<b>113.000.000</b>					<b>113.000.000</b>
1	Máy vi tính để bàn	máy	4	15.000.000	60.000.000						
2	Máy quay phim, chụp hình	máy	2	11.500.000	23.000.000						
3	Máy vi tính xách tay ( laptop )	máy	2	15.000.000	30.000.000						
<b>III</b>	<b>Tập huấn, chuyển giao sử dụng phần</b>				<b>1.200.000</b>	<b>1.200.000</b>					<b>1.200.000</b>
1	Trang trí hội trường	KH	1	400.000	400.000						
2	Tiền nước uống học viên	ngày	20	10.000	200.000						
3	Hỗ trợ tiền ăn cho học viên	ngườ	20	30.000	600.000						
<b>IV</b>	<b>Điều tra, khảo sát các cơ sở chế biến kinh doanh gỗ và lâm sản khác</b>				<b>58.400.000</b>	<b>58.400.000</b>					<b>58.400.000</b>

Stt	Nội dung	Đơn vị tính	Kinh phí			Phân kỳ kinh phí thực hiện					Tổng cộng
			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	2016	2017	2018	2019	2020	
1	Xây dựng đề cương chi tiết được duyệt	KH	1	3.000.000	3.000.000						
2	Lập mẫu điều tra đến 30 chỉ tiêu được	mẫu	1	1.700.000	1.700.000						
3	Giấy, bút	KH	1	1.000.000	1.000.000						
4	In ấn mẫu điều tra (05 trang/phiếu)	Bộ	400	2.000	800.000						
5	Trang trí hội trường	Lần	1	400.000	400.000						
6	Tiền nước uống	người	20	10.000	200.000						
7	Bồi dưỡng báo cáo viên hướng dẫn kể	buổi	1	300.000	300.000						
8	Nhiên liệu ô tô công tác ( 40 ngày; 20	lít	800	20.000	16.000.000						
9	Chi cho đối tượng cung cấp thông tin, tự điền phiếu điều tra	Phiếu	400	50.000	20.000.000						
10	Họp triển khai, trao đổi trong quá trình thực hiện điều tra; sơ kết; tổng kết: 4 lần, lần 10 người/cuộc họp)	Người	40	50.000	2.000.000						
11	Công tác nhập dữ liệu số liệu điều tra vào	Phiếu	400	10.000	4.000.000						
12	Chi xử lý kết quả điều tra (dự kiến 04 trang/phiếu)	Phiếu	400	10.000	4.000.000						
13	Chi viết báo cáo kết quả điều tra	Báo cáo	1	5.000.000	5.000.000						
<b>TỔNG CỘNG</b>					<b>422.600.000</b>	<b>422.600.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>422.600.000</b>



**DỰ TOÁN KINH PHÍ**  
**CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ, KIỂM TRA, KIỂM SOÁT LÂM SẢN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ**  
**GIAI ĐOẠN 2016 - 2020**

để tăng cường kiểm tra, kiểm soát lâm sản, động vật rừng và Học tập kinh nghiệm các mô hình quản lý có hiệu quả  
 \*(Kèm theo Quyết định số 758 /QĐ-UBND ngày 26 tháng 02 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Đơn vị tính: đồng

Stt	Nội dung	Đơn vị tính	Kinh phí (đồng)			Phân kỳ kinh phí thực hiện					Tổng cộng
			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	2016	2017	2018	2019	2020	
<b>I</b>	<b>Kinh phí kế hoạch kiểm tra, kiểm soát năm</b>				<b>62.000.000</b>						
1	Kinh phí kế hoạch kiểm tra, kiểm soát định kỳ quý	Quý	4	15.500.000	62.000.000	62.000.000	62.000.000	62.000.000	62.000.000	62.000.000	310.000.000
	<i>Dự toán chi tiết kinh phí kế hoạch kiểm tra, kiểm soát</i>				<b>15.500.000</b>						
a	Nhiên liệu đoàn công tác kiểm tra, kiểm soát										
	( 05 xe ô tô; 15 lít/ngày; 05 ngày/quý )	lít	375	20.000	7.500.000						
b	Chi công tác phí công tác và ban ngành phối hợp										
	( 05 ngày * 20 công/ngày = 120 công )	công	100	80.000	8.000.000						
<b>II</b>	<b>Học tập kinh nghiệm các mô hình quản lý có hiệu quả</b>				<b>73.200.000</b>	<b>73.200.000</b>		<b>73.200.000</b>			<b>146.400.000</b>
1	Tổ chức học tập, trao đổi kinh nghiệm quản lý các tỉnh Tây nguyên				46.800.000						
-	Thuê xe đoàn học tập kinh nghiệm quản lý	ngày	6	4.000.000	24.000.000						
-	Công tác phí (12 người; 6 ngày)	ngày	72	150.000	10.800.000						

-	Tiền phòng nghỉ (02 người/phòng; 06 phòng/ngày; 05 ngày)	phòng	30	400.000	12.000.000						
2	<i>Tổ chức học tập kinh nghiệm quản lý các tỉnh Phía Nam</i>				26.400.000						
-	Thuê xe đoàn học tập kinh nghiệm quản lý	ngày	4	3.000.000	12.000.000						
-	Công tác phí (12 người; 6 ngày)	ngày	72	100.000	7.200.000						
-	Tiền phòng nghỉ (02 người/phòng; 06 phòng/ngày; 05 ngày)	phòng	18	400.000	7.200.000						
<b>TỔNG CỘNG</b>						<b>135.200.000</b>	<b>62.000.000</b>	<b>135.200.000</b>	<b>62.000.000</b>	<b>62.000.000</b>	<b>456.400.000</b>



Phụ lục: 5

**PHÂN KỲ KINH PHÍ THỰC HIỆN  
QUANG TRÌNH QUẢN LÝ, KIỂM TRA, KIỂM SOÁT LÂM SẢN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ  
GIAI ĐOẠN 2016 - 2020**

*(Kèm theo Quyết định số 758 /QĐ-UBND ngày 26 tháng 02 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội Dung	Kinh phí	Phân kỳ thực hiện				
			2016	2017	2018	2019	2020
1	Nội dung (Phụ lục 1)	471.600.000	52.400.000	104.800.000	104.800.000	104.800.000	104.800.000
2	Nội dung (Phụ lục 2)	217.000.000	43.400.000	43.400.000	43.400.000	43.400.000	43.400.000
3	Nội dung (Phụ lục 3)	422.600.000	422.600.000	0	0	0	0
4	Nội dung (Phụ lục 4)	456.400.000	135.200.000	62.000.000	135.200.000	62.000.000	62.000.000
<b>Tổng kinh phí</b>		<b>1.567.600.000</b>	<b>653.600.000</b>	<b>210.200.000</b>	<b>283.400.000</b>	<b>210.200.000</b>	<b>210.200.000</b>

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 9****ỦY BAN NHÂN DÂN  
QUẬN 9****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 12/QĐ-UBND

*Quận 9, ngày 07 tháng 01 năm 2016***QUYẾT ĐỊNH****Về công bố văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực toàn bộ của Ủy ban nhân dân Quận 9 ban hành đến ngày 31 tháng 12 năm 2015****CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 9**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 91/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân;

Căn cứ Nghị định số 40/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 09/2013/TT-BTP ngày 15 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Quyết định số 07/2012/QĐ-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2012 của Ủy ban nhân dân quận ban hành quy chế về kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn Quận 9;



Xét đề nghị của Phòng Tư pháp Quận 9 tại Tờ trình số 01/TTr-TP ngày 06 tháng 01 năm 2016,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay công bố 05 văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực toàn bộ của Ủy ban nhân dân Quận 9 ban hành đến ngày 31 tháng 12 năm 2015. (Danh mục đính kèm)

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Quận 9, Thủ Trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 13 phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Văn Thành**

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**QUẬN 9**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DANH MỤC**

**VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**QUẬN 9 BAN HÀNH HẾT HIỆU LỰC TOÀN BỘ NĂM 2015**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 12/QĐ-UBND ngày 07 tháng 01 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Quận 9 về việc công bố văn bản Quy phạm pháp luật hết hiệu lực năm 2015)*

STT	Tên loại văn bản	Số ký hiệu, ngày, tháng năm ban hành văn bản	Tên gọi, trích yếu nội dung văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
01	Quyết định	Số 01/2015/QĐ-UBND	Ban hành Kế hoạch chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh và ngân sách UBND quận 2015	Được minh thị tại trích yếu văn bản	01/01/2016
02	Quyết định	Số 02/2015/QĐ-UBND	Quyết định ban hành quy trình tiếp giải quyết khiếu nại trên địa bàn quận 9	Đã được thu hồi, hủy bỏ văn bản tại Quyết định số 06/2015/QĐ-UBND	06/11/2015
03	Quyết định	Số 03/2015/QĐ-UBND	Quyết định ban hành quy trình giải quyết tố cáo trên địa bàn quận 9	Đã được thu hồi, hủy bỏ văn bản tại Quyết định số 06/2015/QĐ-UBND	06/11/2015
04	Chỉ thị	Số 09/2014/CT-UBND	Về công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ, phục vụ có thời hạn trong lực lượng công an nhân dân, tuyển sinh quân sự; đăng ký, quản lý, huấn luyện kiểm tra sẵn sàng động viên lực lượng dự bị động viên năm 2015.	Được minh thị tại trích yếu văn bản	01/01/2016

05	Chỉ thị	Số 04/2015/CT-UBND	Về tổ chức thực hiện công tác quốc phòng địa phương năm 2015.	Được minh thị tại trích yếu văn bản	01/01/2016
----	---------	--------------------	---	-------------------------------------	------------

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Văn Thành**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
QUẬN 9**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 89/QĐ-UBND

*Quận 9, ngày 23 tháng 02 năm 2016*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**V/v bãi bỏ các văn bản do Ủy ban nhân dân Quận 9 ban hành**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 9**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản Quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 40/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về công tác kiểm tra và xử lý văn bản Quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 về rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL;

Căn cứ Thông tư số 20/2010/TT-BTP ngày 30 tháng 11 năm 2010 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về công tác kiểm tra và xử lý văn bản Quy phạm pháp luật;

Căn cứ Quyết định số 75/2011/QĐ-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế về kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn TPHCM;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tư pháp;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay bãi bỏ 02 văn bản gồm:

- Quyết định số 05/2015/QĐ-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Quận 9 về việc bãi bỏ các văn bản đã hết hiệu lực do Ủy ban nhân dân Quận 9 ban hành.

- Quyết định số 06/2015/QĐ-UBND ngày 06 tháng 11 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Quận 9 về việc thu hồi và hủy bỏ văn bản do Ủy ban nhân dân Quận 9 ban hành.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 2.** Các ông (bà) Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Trưởng phòng Tư pháp quận, Trưởng các phòng ban, cơ quan, đơn vị trực thuộc quận và Chủ tịch Ủy ban nhân dân 13 phường có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**CHỦ TỊCH**

**Đặng Thị Hồng Liên**

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**QUẬN 9**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 105/QĐ-UBND

Quận 9, ngày 02 tháng 3 năm 2016

## **QUYẾT ĐỊNH**

**V/v bãi bỏ các văn bản do Ủy ban nhân dân Quận 9 ban hành**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 9**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản Quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 40/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về công tác kiểm tra và xử lý văn bản Quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 về rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL;

Căn cứ Thông tư số 20/2010/TT-BTP ngày 30 tháng 11 năm 2010 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về công tác kiểm tra và xử lý văn bản Quy phạm pháp luật;

Căn cứ Quyết định số 75/2011/QĐ-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế về kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn TPHCM;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tư pháp;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay bãi bỏ 04 văn bản gồm:

- Quyết định số 01/2014/QĐ-UBND ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Quận 9 về ban hành Kế hoạch chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế-xã hội, quốc phòng-an ninh và ngân sách của Quận 2014;

- Chỉ thị số 01/2006/CT-UBND ngày 27 tháng 02 năm 2006 về một số biện pháp tăng cường triển khai thi hành Luật đất đai;

- Quyết định số 02/2015/QĐUBND ngày 02 tháng 3 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Quận 9 ban hành quy trình tiếp giải quyết khiếu nại trên địa bàn Quận 9;

- Quyết định số 03/2015/QĐUBND ngày 02 tháng 3 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Quận 9 ban hành quy trình giải quyết tố cáo trên địa bàn Quận 9.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 2.** Các ông (bà) Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Trưởng phòng Tư pháp quận, Trưởng các phòng ban, cơ quan, đơn vị trực thuộc quận và Chủ tịch Ủy ban nhân dân 13 phường có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**CHỦ TỊCH**

**Đặng Thị Hồng Liên**

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 12****ỦY BAN NHÂN DÂN  
QUẬN 12****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 274/QĐ-UBND

Quận 12, ngày 29 tháng 01 năm 2016

**QUYẾT ĐỊNH****Về việc công bố Danh mục văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân  
Quận 12 hết hiệu lực toàn bộ hoặc một phần năm 2015****CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 12**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 09/2013/TT-BTP ngày 15 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tư pháp,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân Quận 12 hết hiệu lực toàn bộ hoặc một phần năm 2015.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Trưởng phòng Tư pháp quận, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân 11 phường



chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**CHỦ TỊCH**

**Lê Trương Hải Hiếu**

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**QUẬN 12**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

6

**DANH MỤC**  
**VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**QUẬN 12 HẾT HIỆU LỰC TOÀN BỘ HOẶC MỘT PHẦN NĂM 2015**  
(Đính kèm theo Quyết định số: 274/QĐ-UBND ngày 29 tháng 01 năm 2016  
của Chủ tịch UBND Quận 12)

**A. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC TOÀN BỘ**

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
01	Quyết định	30/2012/QĐ-UBND ngày 29/11/2012	Về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của phòng Nội vụ	Bị thay thế bởi Quyết định số 02/2015/QĐ-UBND ngày 19/6/2015 của UBND Quận 12 về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của phòng Nội vụ.	26/6/2015

**B. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC MỘT PHẦN**

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản/ trích yếu nội dung của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
<i>Không</i>					

**C. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC TOÀN BỘ TRƯỚC NGÀY 01/01/2015**

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
<i>Không</i>					

**D. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC MỘT PHẦN TRƯỚC NGÀY 01/01/2015**

<b>STT</b>	<b>Tên loại văn bản</b>	<b>Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản</b>	<b>Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của văn bản</b>	<b>Lý do hết hiệu lực</b>	<b>Ngày hết hiệu lực</b>
<i>Không</i>					

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN****ỦY BAN NHÂN DÂN  
QUẬN BÌNH TÂN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 350/QĐ-UBND

*Bình Tân, ngày 19 tháng 01 năm 2016***QUYẾT ĐỊNH****Công bố danh mục văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân quận  
Bình Tân ban hành hết hiệu lực toàn bộ hoặc một phần năm 2015****CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 91/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân;

Căn cứ Nghị định số 40/2010/QĐ-UBND ngày 12 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 09/2013/TT-BTP ngày 15 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Quyết định số 75/2011/QĐ-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế về kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 02/2012/QĐ-UBND ngày 02 tháng 02 năm 2012 của Ủy ban nhân dân quận ban hành Quy chế về kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn quận Bình Tân;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tư pháp quận tại Tờ trình số 11/TTr-TP ngày 11 tháng 01 năm 2016,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay công bố 03 văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân quận Bình Tân ban hành hết hiệu lực toàn bộ và 02 văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân quận Bình Tân ban hành hết hiệu lực một phần (Danh mục đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận Bình Tân, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 10 phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**CHỦ TỊCH**

**Lê Văn Thịnh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
QUẬN BÌNH TÂN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DANH MỤC  
VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN  
QUẬN BÌNH TÂN BAN HÀNH HẾT HIỆU LỰC TOÀN BỘ HOẶC MỘT  
PHẦN NĂM 2015**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 350/QĐ-UBND  
ngày 19 tháng 01 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Bình Tân)*

**A. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC TOÀN BỘ NĂM 2015**

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/Trích yếu nội dung văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
1	Quyết định	07/2012/QĐ-UBND ban hành ngày 05/11/2012	Về ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Lực lượng kiểm tra liên ngành hoạt động văn hóa, thông tin và phòng, chống tệ nạn xã hội quận Bình Tân	Do không còn phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành theo Quyết định số 5167/QĐ-UBND ngày 04 tháng 8 năm 2015 của Ủy ban nhân dân quận Bình Tân về bãi bỏ văn bản	04/8/2015
2	Chỉ thị	01/2015/CT-UBND ban hành ngày 04/3/2015	Về công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ, phục vụ có thời hạn trong lực lượng Công an nhân dân; Tuyển sinh quân sự; công tác xây dựng, huấn luyện và kiểm tra sẵn sàng động viên - sẵn sàng chiến đấu lực lượng dự bị động viên năm 2015	Được minh thị tại trích yếu văn bản	01/01/2016

3	Chỉ thị	02/2015/CT- UBND ban hành ngày 09/4/2015	Về tổ chức thực hiện công tác quốc phòng địa phương năm 2015	Được minh thị tại trích yếu văn bản	01/01/2016
---	---------	---	---	--	------------

---

**VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: [tcb.ubnd@tphcm.gov.vn](mailto:tcb.ubnd@tphcm.gov.vn)

Website: [www.congbao.hochiminhcity.gov.vn](http://www.congbao.hochiminhcity.gov.vn)

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng